

Bản án số: 318/2022/HS-ST

Ngày: 26/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm

Thẩm phán: Bà Ngô Tuyết Băng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị H Thủy

Bà Tống Thị Thanh Nam

Ông Lê Văn Sự

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ánh Tuyết, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 190/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Minh N, sinh năm 1987.

ĐKHKTT: Tổ X phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số Y, phố K, phường H, quận T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Lê Cẩm T; có chồng Nguyễn Doãn H và 01 con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 235/2006/HSST ngày 28/11/2006 của Tòa án nhân dân quận T xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Ngày 19/6/2002 bị Công an thị trấn Văn Điền, huyện Thanh Trì bắt về hành vi trộm cắp tài sản.

- Ngày 28/8/2002, bị Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định đưa vào Trường giáo dưỡng 12 tháng về hành vi đánh nhau.

Bị cáo trốn truy nã, đầu thú và bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/10/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội; *có mặt tại phiên tòa;*

Danh chỉ bản số 000000692 lập ngày 06/11/2021 tại PC11A - Công an thành phố Hà Nội.

*** Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh N:**

- Bà Nguyễn Thị Hường, Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Anh, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; *vắng mặt tại phiên tòa;*

- Ông Nguyễn Quang Tiến, Luật sư của Văn phòng Luật sư Đặng Sơn và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; *có mặt tại phiên tòa;*

*** Bị hại:**

- Bà Lê Ánh H, sinh năm 1974; nơi cư trú: khu tập thể K, quận T, thành phố Hà Nội; *có mặt tại phiên tòa;*

- Anh Trần Văn H1, sinh năm 1978; nơi cư trú: P, tòa nhà H, số 102 T, quận Đ, thành phố Hà Nội; *vắng mặt tại phiên tòa.*

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Ông Hà Tân L, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn S, xã M, huyện M, tỉnh H2 Yên; *hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh H2 Yên;*

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Hà Tân L: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1970 (vợ ông L); nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường B, thị xã M, tỉnh H2 Yên; *có mặt tại phiên tòa;*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Minh N (sinh năm 1987; trú tại tổ 41, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội) là đối tượng không có nghề nghiệp. Để có tiền tiêu xài, N đã nảy sinh ý định làm giả Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu lấy tên là Lê Quỳnh Anh (tên N thường dùng ngoài xã hội với một số người) để sử dụng thuê xe ô tô tự lái. Sau khi thuê được xe ô tô, N thuê người làm giả đăng ký

xe, sổ kiểm định để mang đi cầm cố hoặc bán lấy tiền ăn tiêu. Bằng phương thức và thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 6/2016 đến tháng 9/2016, N đã thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

1. V thứ nhất: Đầu tháng 8/2016, N thuê nhà trọ tại số nhà 04/24, ngõ 100, đường Hoàng Quốc Việt, phường N1 Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội để ở. Sau đó, N lên mạng Internet đặt của một đối tượng nam giới (không xác định được lai lịch) làm giả 01 chứng minh nhân dân với thông tin Lê Quỳnh Anh (sinh năm 1987; trú tại số nhà 04/24, ngõ 100, đường Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội) và 01 sổ hộ khẩu giả, trong sổ hộ khẩu có tên Lê Quỳnh Anh với giá 3.000.000 đồng. Sau khi làm xong, đối tượng này giao tại nhà cho N 01 chứng minh nhân dân số 012560371 và 01 sổ hộ khẩu số 241936506 chủ hộ là Hoàng Anh Tuấn và vợ là Lê Quỳnh Anh. Thời gian sau đó, N lên mạng xã hội tìm các cá nhân, doanh nghiệp cho thuê xe ô tô tự lái với mục đích lừa chiếm đoạt xe đem bán. Ngày 11/8/2016, N sử dụng điện thoại di động số 0961587015 gọi cho bà Lê Ánh H (sinh năm 1974; trú tại P1-D2, khu tập thể Kim Giang, quận T, Hà Nội; là chủ cơ sở cho thuê xe ô tô tự lái tại nhà) xưng tên là Quỳnh Anh đặt vấn đề thuê 01 xe ô tô thời gian từ ngày 11/8/2016 đến ngày 20/8/2016. Sau khi được bà H giới thiệu về các xe ô tô, N thỏa thuận với bà H sẽ thuê xe ô tô hiệu Toyota Fortuner với giá 1.200.000 đồng/ngày. Để bà H tin, N yêu cầu được giao nhận xe tại nhà N đang ở, bà H đồng ý. Khoảng 17h30 phút cùng ngày, bà H bảo các nhân viên làm thuê là anh Đặng Ngọc A và anh Phan Văn H2 đi chiếc xe ô tô hiệu Toyota Fortuner biển kiểm soát 30E-06042, có số khung RL4ZR69GXG4028649 và số máy 2KDU896581 đến số nhà 04/24, ngõ 100, đường Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội để giao xe cho N. Anh Ngọc A kiểm tra chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu thấy đúng với người và địa chỉ thực tế nên để N ký “Hợp đồng thuê xe tự lái với tên người thuê xe là Lê Quỳnh Anh”. N giao chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu giả cùng 10.000.000 đồng tiền đặt cọc cho anh Ngọc A. Anh Lê Ngọc A giao cho N xe ô tô trên kèm theo Giấy đăng ký (bản photo công chứng), giấy Đăng kiểm và Bảo hiểm dân sự cho N. Sau khi thuê được xe, N tiếp tục đặt đối tượng nam giới đã làm giả Chứng minh nhân dân cho N để làm giả đăng ký xe ô tô Toyota Fortuner trên với tên chủ sở hữu là Lê Quỳnh Anh (sinh năm 1987; trú tại số nhà 04/24, ngõ 100, đường Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội), các thông tin khác N cung cấp theo nội dung đăng ký xe photo công chứng. Đối tượng này khuyên N làm giả cả giấy đăng kiểm để tránh bị phát hiện, một bộ gồm đăng ký (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô) và đăng kiểm (Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ

thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ) giả với giá 4.000.000 đồng, N đồng ý. Sau đó, đối tượng này đã làm và giao cho N 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 089644 cùng 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KC1248150.

Thông qua người quen là anh Nguyễn Đức N1, N biết ông Hà Tân L thường cho vay tiền, cầm cố tài sản tại tỉnh H2 Yên. Quá trình quen biết, N đã sử dụng tên là Quỳnh Anh nên anh N1 và ông L không biết tên thật của N. Để ông L không có thời gian xem kỹ giấy tờ và cho N cầm xe với giá cao nên ngày 17/8/2016, N gọi điện thoại cho ông L nói chồng của N nợ nần phải đi cầm cố xe ô tô của N với giá 750.000.000 đồng đã hết thời hạn nếu không chuộc xe sẽ mất xe. N có 50.000.000 đồng muốn ông L cho N vay 700.000.000 đồng để lấy xe ra và nhờ ông L giữ hộ. Sau đó trong vòng 10 ngày, N lo thu xếp tiền để chuộc lại xe, nếu không thì coi như N bán chiếc xe cho ông L với giá 700.000.000 đồng, ông L đồng ý. N nhờ anh N1 về tỉnh H2 Yên chở ông L đem tiền lên Hà Nội đưa cho N để chuộc xe và hẹn gặp tại phố Nguyễn An Ninh, quận H, Hà Nội. Trước khi ông L đến, N nhờ một người tên là Tuấn (N quen qua mạng Facebook) đóng giả làm chủ nợ của N. N đưa xe ô tô Toyota Fortuner cho Tuấn, nhờ Tuấn đóng giả làm chủ nợ và bảo sẽ có người đến trả 700.000.000 đồng thì giao xe, hôm sau N sẽ quay lại lấy tiền. Khi ông L và anh N1 đến phố Nguyễn An Ninh, ông L chờ ngoài xe ô tô, còn N hướng dẫn anh N1 đi vào trong ngõ gặp N và Tuấn. Anh N1 tưởng đó là chủ nợ nên đã đưa tiền, rồi cùng N ra bãi lấy xe ô tô Toyota Fortuner giao cho ông L. Tối hôm đó, khi ông L cùng anh N1, N và một số người khác đi ăn tại phố Lê Đức Thọ, Hà Nội, N đưa Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 089644, 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KC1248150 cho ông L và viết giấy bán xe cho ông L với thỏa thuận miệng nếu trong vòng 10 ngày, N không đến lấy xe thì coi như bán luôn với giá 700.000.000 đồng. Ông L thấy xe có đăng ký chính chủ của N (tên Lê Quỳnh Anh) nên đồng ý.

Ngày 20/8/2016, hết thời hạn thuê xe, bà H gọi điện thoại cho N thì thấy tắt máy nên làm đơn trình báo và giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội: 01 Chứng minh nhân dân số 012560371 mang tên Lê Quỳnh Anh; 01 sổ hộ khẩu số 241936506 chủ hộ là Hoàng Anh Tuấn và vợ là Lê Quỳnh Anh; 01 hợp đồng thuê xe tự lái đề ngày 11/8/2016. Hồi 00 giờ 30 phút ngày 07/9/2016, qua thiết bị định vị gắn trên xe ô tô, bà H phát hiện ông Hà Tân L đang điều khiển chiếc xe ô tô Toyota Fortuner màu đen, biển kiểm soát 30E-06042 trên đường Nguyễn Chí

Thanh, Hà Nội nên đã báo cho tổ công tác của Phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố Hà Nội kiểm tra, mời ông L về trụ sở làm việc. Ông L tự nguyện giao nộp chiếc xe ô tô Toyota Fortuner cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 089644 mang tên Lê Quỳnh Anh; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KC1248150, biển đăng ký 30E-06042 và 01 giấy bán xe đề ngày 17/8/2016 do Lê Quỳnh Anh ký.

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại Công an phường N1 Đô, quận Cầu Giấy, xác định: Địa chỉ số nhà 04/24, ngõ 100, đường Hoàng Quốc Việt thuộc phường N1 Đô không có ai tên là Hoàng Văn Tuấn và Lê Quỳnh Anh đăng ký hộ khẩu tại đó. Chủ hộ là ông Phan Huy Thông sinh năm 1961.

Tiến hành xác minh tại Phòng PC64-Công an thành phố Hà Nội xác định: Tờ khai Chứng minh nhân dân số 012560371 là của Nguyễn Văn Quốc (sinh năm 1976; trú tại Xóm 4, xã Lĩnh Nam, huyện Thanh Trì, Hà Nội).

Tiến hành xác minh tại Đội đăng ký xe Phòng Cảnh sát giao thông Hà Nội ngày 30/8/2016 xác định: Xe ô tô biển kiểm soát 30E-060.42 được đăng ký lần đầu ngày 26/7/2016, ngày đăng ký mới 26/7/2016; tên chủ xe Lê Ánh H, địa chỉ P1-D2 tập thể Kim Giang, quận T, Hà Nội. Nhân hiệu Toyota số loại Fortuner, số khung RL4ZR69GXG4028649, số máy 2KD U896581.

Tại bản kết luận giám định số 6317/KLGD-PC54 ngày 03/11/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận:

“... Xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER đeo biển kiểm soát 30E- 06042 gửi giám định, có số khung RL4ZR69GXG4028649, số máy 2KD U896581, là số nguyên thủy.

Không giám định biển kiểm soát 30E-060.42 do không có mẫu so sánh phù hợp”.

Tại bản kết luận giám định số 5881/KLGD-PC54 ngày 11/10/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận:

“... - Giấy chứng minh nhân dân số 012560371 mang tên Lê Quỳnh Anh, sinh ngày 18/5/1987, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú số 04/24, ngõ 100, Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội, cấp ngày 11/6/2009 là giấy chứng minh nhân dân giả, được tạo ra bằng phương pháp in màu kỹ thuật số.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 089644 chủ xe mang tên Lê Quỳnh Anh địa chỉ số 04/24, ngõ 100, Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội, nhãn hiệu TOYOTA, số khung 4028649, số máy 896581, biển số 30E-06042 đề ngày 26/7/2016 là *chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, được tạo ra bằng phương pháp in màu kỹ thuật số*.

- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KC 1248150, biển đăng ký 30E-060.42 nhãn hiệu TOYOTA, số khung 4028649, số máy 896581 cấp ngày 29/7/2016 (ký hiệu A1) là *giấy chứng nhận kiểm định giả, được tạo ra bằng phương pháp in màu kỹ thuật số*.

- Các chi tiết in trên phôi sổ hộ khẩu số 241936506, chủ hộ mang tên Hoàng Văn Tuấn, nơi thường trú số nhà 04/24, ngõ 100, Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội cấp ngày 18/3/2010 (ký hiệu A2) với các chi tiết in trên phôi “Sổ hộ khẩu” mẫu so sánh số 241939494 (ký hiệu M1) là *do cùng các bản in tương ứng in ra*.

- Hình dấu trong “CÔNG AN QUẬN CẦU GIẤY - CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI”, chữ ký đứng tên Nguyễn Văn Sơn trên “Sổ hộ khẩu” số 241936506 cần giám định (ký hiệu A2) với hình dấu trong “CÔNG AN QUẬN CẦU GIẤY - CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI”, chữ ký đứng tên Nguyễn Văn Sơn trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2) *Không phải do cùng một con dấu in ra và không phải chữ do cùng một người ký ra*”.

Tại bản kết luận giám định số 2591/KLGD-PC54(Đ4) ngày 28/4/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: “... Chữ viết trên “Giấy bán xe” đứng tên Lê Quỳnh Anh, đề ngày 17/08/2016 (Trừ các chữ “Hà Tân L” - ký hiệu A) với chữ viết trên “Bản cam kết” đứng tên Lê Minh N, đề ngày 10/10/2011 (ký hiệu M1), mục “Người được lấy mẫu” trên “phiếu xét nghiệm tìm chất ma túy trong nước tiểu” đứng tên Lê Minh N, đề ngày 10/10/2011 (ký hiệu M2) là *chữ do cùng một người viết ra*”.

Tại bản kết luận giám định số 5564/KLGD-PC54(Đ4) ngày 29/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: “... Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Lê Quỳnh Anh dưới chữ ký trên “Hợp đồng thuê xe tự lái” đại diện bên cho thuê xe ô tô đứng tên Lê Ánh H, đại diện bên thuê xe ô tô đứng tên Lê Quỳnh Anh, đề ngày 11/8/2016 (ký hiệu A) với chữ ký, chữ viết dòng họ tên Lê Quỳnh Anh dưới chữ ký trên “Giấy bán xe” đứng tên Lê Quỳnh Anh, đề ngày 18/7/2016 (ký hiệu M) là *chữ do cùng một người ký và viết ra*”.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 374/ĐGTS ngày 16/9/2016 của Hội đồng định giá tài sản quận Đống Đa xác định: "... Trị giá của xe ô tô Fortuner biển kiểm soát 30E-06042 là 1.059.027.000 đồng".

Ngày 29/12/2017, Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc xe ô tô hiệu Toyota Fortuner, biển kiểm soát 30E-06042 cho bà Lê Ánh H.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Ánh H yêu cầu bị can Lê Minh N bồi thường tổng số tiền 52.400.000 đồng (gồm tiền thuê xe ô tô, tiền sửa chữa xe trong quá trình N sử dụng, tiền chi phí thuê người theo dõi định vị) và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Ông Hà Tân L nhận cầm cố và mua chiếc xe ô tô Toyota Fortuner biển kiểm soát 30E-06042 với giá 700.000.000 đồng nhưng không biết là xe do N chiếm đoạt của người khác. Ông L yêu cầu N phải bồi thường số tiền 700.000.000 đồng.

2. V thứ hai: Cũng với thủ đoạn trên, tháng 9/2016, N tiếp tục đặt làm giả 01 Chứng minh nhân dân mang tên Lê Quỳnh Anh và 01 sổ hộ khẩu với thông tin như trước đó đã làm với giá 3.000.000 đồng. Sau khi có Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu, N tiếp tục lên mạng tìm các cá nhân, doanh nghiệp cho thuê xe ô tô tự lái. Ngày 28/9/2016, N gọi điện thoại đến văn phòng giao dịch của Công ty Cổ phần giáo dục và phát triển trí tuệ Việt Nam có địa chỉ tại số 234, phố Tây Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội gặp Phó Giám đốc công ty là anh Trần Văn H3. N giới thiệu là nhân viên du lịch, hỏi thủ tục thuê 01 xe ô tô trong thời gian 01 tháng và hẹn anh H3 hôm sau sẽ đến ký hợp đồng thuê xe. Ngày 29/9/2016, N đến Công ty gặp anh Hạnh để ký hợp đồng số 52/2016 thuê chiếc xe ô tô hiệu Chevrolet Captiva màu vàng, biển kiểm soát 29A-889.09, số khung 26FD8H004929, số máy Z24SED043378, thời gian thuê từ ngày 30/9/2016 đến ngày 30/10/2016 với giá thuê là 15.000.000 đồng/tháng. N để lại 01 chứng minh nhân dân số 012560371 và 01 sổ hộ khẩu số 240049108 mang tên Lê Quỳnh Anh (trú tại số nhà 04/24, ngõ 100, đường Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Chủ hộ là Hoàng Anh Tuấn và Quỳnh Anh là vợ của chủ hộ) và 30.000.000 đồng; trong đó 15.000.000 đồng tiền thuê xe và 15.000.000 đồng tiền đặt cọc cho anh H3. Sau khi thuê được chiếc xe ô tô trên, N sử dụng được 03 ngày. Khi đang ngồi uống café tại khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội thì N gặp 01 thanh niên không quen biết. N nói cần vay 200.000.000 đồng và để lại xe ô tô mình đang đi để làm tin. Người thanh niên đồng ý cho N vay 200.000.000 đồng và giữ xe chiếc xe ô tô Chevrolet Captiva, khi nào N trả tiền thì trả xe. Sau

khi có tiền, N nghĩ xe đó đã cũ, nếu làm đăng ký giả cũng khó cầm cố hoặc bán nên N đã bỏ số điện thoại, không lấy lại xe ô tô nữa.

Ngày 17/10/2016, anh Trần Văn H1 (sinh năm 1978; trú tại P703B, tòa nhà Hà Thành, số 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội; là Giám đốc Công ty Cổ phần giáo dục và phát triển trí tuệ Việt Nam) kiểm tra thì phát hiện hệ thống định vị trên xe ô tô Chevrolet Captiva, biển kiểm soát 29A-889.09 bị cắt, nên gọi điện đến số điện thoại 0936065532 và 0902147492 của N thì không liên lạc được. Anh H1 làm đơn tố giác và giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội số vật chứng gồm: 01 Chứng minh nhân dân số 012560371 mang tên Lê Quỳnh Anh; 01 sổ hộ khẩu số 240049108 chủ hộ là Hoàng Anh Tuấn còn Lê Quỳnh Anh là vợ của chủ hộ và 01 hợp đồng thuê xe tự lái đề ngày 30/9/2016.

Quá trình điều tra xác định: Phạm Văn H1 có quen biết xã hội với một thanh niên tên là Vượng (không rõ lai lịch). Khoảng tháng 7/2017, Vượng đem chiếc xe ô tô Chevrolet Captiva, biển kiểm soát 29A-889.09 đến nhà H1 nói là xe của bà chị ở Hà Nội đưa cho Vượng sử dụng không có giấy tờ. Do Vượng không có nhu cầu sử dụng xe ô tô nữa, giá gửi xe ở Hà Nội đắt nên đưa xe cho H1 sử dụng và nhờ H1 trông giữ hộ. H1 sử dụng một thời gian, do cần tiền nên nhờ Đỗ Văn N3 vay 50.000.000 đồng của Vũ Tuấn A và để lại xe làm tin. Đổi lại, sau khi N3 vay được tiền của Tuấn A thì H1 cho N3 vay 20.000.000 đồng, H1 sử dụng 30.000.000 đồng. Do không có tiền trả gốc và lãi nên H1 nói với Lê Văn B là H1 có xe đang sửa xe tại nhà N3 hết 45.000.000 đồng chưa có tiền lấy xe về và bảo nếu B bỏ tiền ra lấy xe về sẽ cho B sử dụng. Ngày 06/7/2017, B đến gặp N3 và N3 dẫn B đến gặp Tuấn A. B đưa cho N3 50.000.000 đồng để trả cho Tuấn A để không phát sinh tiền lãi và nhận xe ô tô về. B đem xe ô tô Captiva về gặp và kể lại việc bỏ tiền ra lấy xe cho H1. H1 đề nghị B cho H1 vay thêm 5.000.000 đồng, sẽ để xe ô tô cho B sử dụng, khi nào có tiền H1 sẽ chuộc xe sau. B đồng ý xong yêu cầu H1 ký vào một giấy mua bán xe để không. Vì B vay của ông Hoàng Mạnh H (sinh năm 1970; là bố của B) số tiền 60.000.000 đồng để lấy xe ô tô của H1 về nên B viết nội dung là ngày 06/7/2017, H1 bán xe cho ông H. B sử dụng xe một thời gian, nhờ Phạm Văn C tìm chỗ cầm cố xe để lấy 103.000.000 đồng để chuộc xe ô tô Hyundai I10 của B đang cầm cố. C nhờ Mai Văn Đ tìm chỗ đặt xe. Ngày 17/7/2017, Đ dẫn C đến nhà Phạm Chí P1 đặt vấn đề vay của P1 250.000.000 đồng, để lại xe ô tô làm tin. C nói đó là xe ô tô của C, hẹn hôm sau sẽ mang đăng ký đến. Sau khi vay được tiền, C sử dụng 103.000.000 đồng để chuộc xe cho B và cho Đ vay 125.000.000 đồng. Số tiền còn lại 22.000.000 đồng C đưa lại cho B. Do không có chỗ để xe nên

Phạm Chí P1 gửi xe tại nhà Phạm N1 V. Ngày 25/8/2017, Công an huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình kiểm tra hành chính chỗ ở của Phạm N1 V thu giữ chiếc xe ô tô Chevrolet Captiva, biển kiểm soát 29A-889.09 và 02 xe máy khác. Căn cứ vào thông báo truy tìm vật chứng ngày 18/10/2017, Công an huyện Hoa Lư đã bàn giao xe ô tô Chevrolet Captiva biển kiểm soát 29A – 889.09 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 24/11/2017, Ủy ban nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 09 phạt Phạm Chí P1 hành vi Kinh doanh dịch vụ cầm đồ mà không có giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự quy định Điều 11 nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của chính phủ. Ngày 01/02/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 05 đối với đơn của anh Phạm Chí P1 tố giác Mai Văn Đ và Phạm Văn C có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt của anh P1 số tiền 250.000.000 đồng, xảy ra tại thị trấn Thiên Tôn, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Tiến hành xác minh tại Đội đăng ký xe - Phòng Cảnh sát giao thông Hà Nội ngày 30/11/2016, xác định: Xe ô tô biển kiểm soát 294-889.09 được đăng ký lần đầu ngày 03/4/2008, ngày đăng ký mới 17/7/2013; tên chủ xe là Nguyễn Huy Hoàng, địa chỉ tại số nhà 130, tập thể Máy Đền, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Nhãn hiệu Chevrolet; số loại Captiva, số máy Z24SED043378, số khung RLLCA26FD8H004929.

Tại bản kết luận giám định số 500/KL-PC54(Đ3) ngày 16/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận:

“... Xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET CAPTIVA đeo biển kiểm soát 294-889.09 gửi giám định, có số khung RLLCA26FD8H004929 và số máy Z24SED043378 là số nguyên thủy.

Không giám định cặp biển kiểm soát 29A-889.09 do không có mẫu so sánh.”

Tại bản kết luận giám định số 1399/KL-KTHS ngày 08/3/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận:

“... 1. Giấy chứng minh nhân dân số 012560371 cần giám định là giấy chứng minh nhân dân giả.

2. Các chi tiết in trên phôi mẫu cần giám định (ký hiệu A2) với các chi tiết in trên phôi mẫu so sánh (ký hiệu M1) được in ra từ cùng một biểu mẫu.

3. Chữ ký đứng tên Vũ Quý Đông trên mẫu cần giám định (ký hiệu A2) với chữ ký đứng tên Vũ Quý Đông trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M6) không phải là chữ do cùng một người ký ra.

4. Hình dấu tên Thượng tá Vũ Quý Đông trên mẫu cần giám định (ký hiệu A2) với hình dấu tên Thượng tá Vũ Quý Đông trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M6) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

5. Hình dấu tròn “CÔNG AN QUẬN CẦU GIẤY - CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) với hình dấu tròn “CÔNG AN QUẬN CẦU GIẤY - CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI” trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M6) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

6. Người có mẫu chữ viết đứng tên Lê Minh N trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M7 đến M12) viết ra chữ viết dòng họ tên Lê Quỳnh Anh dưới chữ ký trên mẫu cần giám định (ký hiệu A3).

7. Không đủ cơ sở kết luận người có mẫu chữ ký đứng tên Lê Minh N trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M7 đến M12) có chữ ký ra chữ ký đứng tên Lê Quỳnh Anh trên mẫu cần giám định (ký hiệu A3) hay không”.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 388/DGTS ngày 03/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Đống Đa kết luận: “... chiếc xe ô tô hiệu Chevrolet Captiva biển kiểm soát 29A-889.09 trị giá 281.000.000 đồng.

Ngày 29/12/2017, Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trao trả xe ô tô Chevrolet Captiva biển kiểm soát 29A-889.09 cho anh Trần Văn H1. Anh H1 không yêu cầu Lê Minh N bồi thường và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Sau khi phạm tội Lê Minh N bỏ trốn và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội quyết định truy nã về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 21/10/2021, Lê Minh N đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Đối với ông Hà Tân L, là người cầm cố và mua chiếc xe ô tô hiệu TOYOTA FORTUNER, biển kiểm soát 30E-060.42 của Lê Minh N. Kết quả điều tra xác định khi cầm cố và bán xe ô tô trên, N đưa toàn bộ giấy tờ xe đăng ký chính chủ và ông L không biết là giấy tờ giả nên không biết đó là

tài sản do N phạm tội mà có. Khi được Cơ quan chức năng thông báo chiếc xe ô tô trên là vật chứng của vụ án, ông L đã tự nguyện giao nộp chiếc xe ô tô cho Cơ quan điều tra. Do hành vi của ông L không phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Đối với anh Nguyễn Đức N1 và đối tượng tên Tuấn (hiện chưa xác minh được lai lịch) giúp N cầm cố và bán chiếc xe ô tô trên cho ông L. Kết quả điều tra xác định N1 không biết chiếc xe ô tô đó là tài sản do N phạm tội mà có. Tại Cơ quan điều tra, N khai không nói cho N1 và đối tượng tên Tuấn biết chiếc xe trên là do N lừa đảo chiếm đoạt của người khác. Do đó hành vi của anh N1 và đối tượng tên Tuấn không phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với đối tượng thanh niên (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) nhận cầm xe ô tô Chevrolet Captiva, biển kiểm soát 29A-889.09 và cho N vay 200.000.000 đồng. Tại Cơ quan điều tra, N khai chỉ gặp thanh niên này một lần tại quán café nên không biết tên, không lưu giữ số điện thoại và không biết nhà ở đâu; đối với đối tượng tên Vượng gửi xe cho anh Phạm Văn H1. Tại Cơ quan điều tra, anh H1 khai quen Vượng tại khu vực bến xe Mỹ Đình, không biết nhà ở đâu nên Cơ quan điều tra không xác minh triệu tập làm rõ ý thức chủ quan của Vượng và đối tượng nhận cầm cố xe ô tô cho N được. Ngày 14/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã quyết định tách hành vi của các đối tượng liên quan đến việc tiêu thụ xe ô tô hiệu Chevrolet Captiva biển kiểm soát 29A-889.09 gồm: Đối tượng cầm cố xe cho Lê Minh N, đối tượng tên Vượng, Phạm Văn H1, Lê Văn B, Phạm Văn C để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

Đối với anh Trần Văn Hạnh khi cho N thuê xe ô tô Captiva, N nói có Giấy phép lái xe số AT864683 tên Lê Quỳnh Anh. Tại Cơ quan điều tra, N khai không làm giả giấy tờ này, không thu được vật chứng nên không có căn cứ xử lý đối với N hành vi làm giả bằng lái xe.

Đối với đối tượng làm giả các Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, đăng ký xe giấy kiểm định cho xe ô tô Toyota Fortuner. Tại Cơ quan điều tra, N khai liên hệ qua mạng Facebook, không gặp trực tiếp nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để triệu tập làm rõ hành vi. Cơ quan điều tra tách tài liệu về hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” của đối tượng này để tiếp tục điều tra xử lý sau.

Cáo trạng số 185/CT-VKS-P2 ngày 27/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Lê Minh N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015

và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên toà, bị cáo Lê Minh N thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Bị hại bà Lê Ánh H đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt nghiêm bị cáo theo quy định; về trách nhiệm dân sự, yêu cầu bị cáo N bồi thường tổng số tiền 52.400.000 đồng. Đại diện theo uỷ quyền của ông Hà Tân L yêu cầu bị cáo N bồi thường số tiền 700.000.000 đồng. Bị cáo Lê Minh N đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà Lê Ánh H và ông Hà Tân L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội cho rằng: Căn cứ vào lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi tại phiên toà có đủ cơ sở kết luận: Cáo trạng truy tố bị cáo Lê Minh N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Lê Minh N từ 12 - 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 02 - 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là từ 14 - 16 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 21/10/2021.

Về hình phạt bổ sung: xét tính chất phạm tội và hoàn cảnh gia đình của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Lê Minh N bồi thường cho bà Lê Ánh H 52.400.000 đồng, bồi thường cho ông Hà Tân L số tiền 700.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Lê Minh N phải nộp số tiền thu lời bất chính để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, số tiền 200.000.000 đồng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Minh N nhất trí với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phạm tội, bị cáo đã đến Cơ quan điều tra để đầu thú; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đưa ra cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại anh Trần Văn H1 đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Anh H1 đã có lời khai, ý kiến tại Cơ quan điều tra. Xét thấy sự vắng mặt của anh H1 không gây trở ngại đến việc xét xử, giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Minh N thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do có ý định chiếm đoạt tài sản của người khác nên Lê Minh N đã thuê đối tượng trên mạng xã hội làm giả Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu lấy tên là Lê Quỳnh Anh để sử dụng thuê xe ô tô tự lái, sau đó đem đi cầm cố và bán lấy tiền. Để thuận lợi cho việc bán, đặt xe ô tô được giá cao, N thuê đối tượng qua mạng Internet (không rõ nhân thân lai lịch) làm giả giấy đăng ký xe, sổ kiểm định của xe ô tô chuyển thành xe chính chủ. Bằng thủ đoạn như trên, trong thời gian từ tháng 06/2016 đến tháng 09/2016, N đã sử dụng các giấy tờ giả để thực hiện được 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt 02 xe ô tô có tổng trị giá là

1.340.027.000 đồng, gồm: 01 xe ô tô hiệu Toyota Fortuner, biển kiểm soát 30E-06042 trị giá 1.059.027.000 đồng của bà Lê Ánh H và 01 xe ô tô hiệu Chevrolet Captiva, biển kiểm soát 29A-88909 trị giá 281.000.000 đồng của anh Trần Văn H1; sau đó đem bán và cầm cố được 900.000.000 đồng sử dụng cá nhân hết. Hiện 02 chiếc xe ô tô trên đã được thu hồi và trao trả cho các bị hại.

Hành vi của bị cáo Lê Minh N đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng với điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015).

Ngoài ra hành vi của bị cáo Lê Minh N đã cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” với tình tiết “*Phạm tội nhiều lần*”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định Cáo trạng số 185/CT-VKS-P2 ngày 27/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Lê Minh N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với ông Hà Tân L, là người cầm cố và mua chiếc xe ô tô hiệu TOYOTA FORTUNER, biển kiểm soát 30E-060.42 của Lê Minh N. Kết quả điều tra xác định khi cầm cố và bán xe ô tô trên, N đưa toàn bộ giấy tờ xe đăng ký chính chủ và ông L không biết là giấy tờ giả nên không biết đó là tài sản do N phạm tội mà có. Khi được Cơ quan chức năng thông báo chiếc xe ô tô trên là vật chứng của vụ án, ông L đã tự nguyện giao nộp chiếc xe ô tô cho Cơ quan điều tra. Đối với anh Nguyễn Đức N1 và đối tượng tên Tuấn (hiện chưa xác minh được lai lịch) giúp N cầm cố và bán chiếc xe ô tô trên cho ông L. Kết quả điều tra xác định anh N1 không biết chiếc xe ô tô đó là tài sản do N phạm tội mà có. Tại Cơ quan điều tra, N khai không nói cho N1 và đối tượng tên Tuấn biết chiếc xe trên là do N lừa đảo chiếm đoạt của người khác. Do đó hành vi của ông L, anh N1 và đối tượng tên Tuấn không phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với đối tượng thanh niên (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) nhận cầm xe ô tô Chevrolet Captiva, biển kiểm soát 29A-889.09 và cho

N vay 200.000.000 đồng. Tại Cơ quan điều tra, N khai chỉ gặp thanh niên này một lần tại quán café nên không biết tên, không lưu giữ số điện thoại và không biết nhà ở đâu; đối với đối tượng tên Vượng gửi xe cho anh Phạm Văn H1. Tại Cơ quan điều tra, anh H1 khai quen Vượng tại khu vực bến xe Mỹ Đình, không biết nhà ở đâu nên Cơ quan điều tra không xác minh triệu tập làm rõ ý thức chủ quan của Vượng và đối tượng nhận cầm cố xe ô tô cho N được. Ngày 14/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã quyết định tách hành vi của các đối tượng liên quan đến việc tiêu thụ xe ô tô hiệu Chevrolet Captiva biển kiểm soát 29A-889.09 gồm: Đối tượng cầm cố xe cho Lê Minh N, đối tượng tên Vượng, Phạm Văn H1, Lê Văn B, Phạm Văn C để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

Đối với đối tượng làm giả các Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, đăng ký xe giấy kiểm định cho xe ô tô Toyota Fortuner. Tại Cơ quan điều tra, N khai liên hệ qua mạng Facebook, không gặp trực tiếp nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để triệu tập làm rõ hành vi. Cơ quan điều tra tách tài liệu về hành vi Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức của đối tượng này để tiếp tục điều tra xử lý sau.

[4]Về điều luật áp dụng: Bị cáo Lê Minh N thực hiện hành vi phạm tội tại thời điểm Bộ luật Hình sự năm 1999 có hiệu lực pháp luật. Tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 không có lợi cho người phạm tội so với quy định tại Bộ luật Hình sự năm 1999 nên căn cứ Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 và các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử đối với bị cáo Lê Minh N.

[4]Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân và các tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bức xúc cho bị hại; ngoài ra hành vi phạm tội của bị cáo còn gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi của bản thân là phạm tội nhưng vì háms lợi, lười lao động nên vẫn dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó cần phải xử lý nghiêm minh để trừng trị,

giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm trong đời sống xã hội.

Bị cáo Lê Minh N có 01 tiền án (đã xoá án tích) và 02 tiền sự (đã hết thời hiệu) thể hiện bị cáo có nhân thân xấu và ý thức coi thường pháp luật, mặc dù đã nhiều lần được các cơ quan pháp luật giáo dục, cải tạo nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội. Sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra.

Bị cáo Lê Minh N đã hai lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về các tình tiết giảm nhẹ: sau khi bỏ trốn, bị cáo đã đến Cơ quan điều tra để đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy rằng cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để trừng trị, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và góp phần đấu tranh, phòng chống tội phạm.

[5]Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất vụ án và hoàn cảnh gia đình của bị cáo, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Lê Minh N phải bồi thường số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt hoặc đã gây thiệt hại cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bồi thường cho bà Lê Ánh H số tiền 52.400.000 đồng.
- Bồi thường cho ông Hà Tân L số tiền 700.000.000 đồng.

Ngoài ra, bị hại anh Trần Văn H1 không yêu cầu, đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]Về biện pháp tư pháp:

Quá trình lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo đã kiếm lời bất chính số tiền 200.000.000 đồng, do đó buộc bị cáo phải tiếp tục nộp số tiền còn thu lời bất chính để truy thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[8]Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo Lê Minh N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Minh N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Lê Minh N 13 (*Mười ba*) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (*Ba*) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 16 (*Mười sáu*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 21/10/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Lê Minh N phải bồi thường số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt hoặc đã gây thiệt hại cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bồi thường cho bà Lê Ánh H số tiền 52.400.000 (*Năm mươi hai triệu bốn trăm nghìn*) đồng.

- Bồi thường cho ông Hà Tân L số tiền 700.000.000 (*Bảy trăm triệu*) đồng.

3. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, buộc bị cáo phải nộp 200.000.000 (*Hai trăm triệu*) đồng để truy thu sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Lê Minh N phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 34.096.000 (*Ba mươi tư triệu không trăm chín mươi sáu nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi suất phát sinh trên số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo Lê Minh N, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại anh Trần Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Công an thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Tâm